

TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN BHXH, BHYT TỰ NGUYỆN

A. THAM GIA BHXH TỰ NGUYỆN

I. ĐỐI TƯỢNG THAM GIA

1. Người tham gia BHXH tự nguyện là công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi đến đủ 60 tuổi đối với nam và từ đủ 15 tuổi đến đủ 55 tuổi đối với nữ, không thuộc diện áp dụng quy định của pháp luật về BHXH bắt buộc, bao gồm:

1.1. Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn dưới 3 tháng (Theo Luật BHXH sửa đổi mở rộng đối tượng tham gia BHXH bắt buộc đến người lao động có hợp đồng lao động từ 1 tháng đến dưới 3 tháng áp dụng từ 01/01/2018).

1.2. Cán bộ không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn và tổ dân phố (Theo Luật BHXH sửa đổi người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc đối tượng áp dụng BHXH bắt buộc) .

1.3. Người tham gia các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ kể cả xã viên không hưởng tiền lương, tiền công trong các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

1.4. Người lao động tự tạo việc làm bao gồm những người tự tổ chức hoạt động lao động để có thu nhập cho bản thân.

1.5. Người lao động làm việc có thời hạn ở nước ngoài mà trước đó chưa tham gia BHXH bắt buộc hoặc tham gia BHXH bắt buộc nhưng đã nhận BHXH một lần.

2. Người tham gia BHXH tự nguyện đủ 60 tuổi đối với nam, đủ 55 tuổi đối với nữ, có từ đủ 15 năm đóng BHXH trở lên, có nhu cầu đóng tiếp BHXH tự nguyện cho đến khi đủ 20 năm đóng BHXH.

3. Nam từ đủ 60 tuổi trở lên, nữ từ đủ 55 tuổi trở lên đã có từ đủ 15 năm đóng BHXH bắt buộc trở lên mà chưa nhận BHXH một lần, có nhu cầu đóng tiếp BHXH tự nguyện cho đến khi đủ 20 năm đóng BHXH.

4. Người tham gia khác.

II. MỨC ĐÓNG

Mức đóng hàng tháng của người tham gia BHXH tự nguyện như sau:

Mức đóng hàng tháng = Tỷ lệ % đóng BHXH tự nguyện x Mức thu nhập tháng người tham gia BHXH tự nguyện lựa chọn

Trong đó:

1. Tỷ lệ % đóng BHXH tự nguyện:

- Từ tháng 01/2010 đến tháng 12/2011: bằng 18%;
- Từ tháng 01/2012 đến tháng 12/2013: bằng 20%;
- Từ tháng 01/2014 trở đi: bằng 22%.

2. Mức thu nhập tháng người tham gia BHXH tự nguyện lựa chọn = $L_{min} + m \times 50.000$ (đồng/tháng).

* L_{min} : mức lương tối thiểu chung;

* $m = 0, 1, 2 \dots n$;

Mức thu nhập tháng Người tham gia BHXH tự nguyện lựa chọn thấp nhất bằng mức lương tối thiểu chung (mức lương cơ sở), cao nhất bằng 20 tháng lương tối thiểu chung (mức lương cơ sở).

Ví dụ về mức thu nhập và mức đóng

Chọn mức thu nhập bằng mức lương tối thiểu ($m = 0$)

$1.150.000 \text{ đ} \times 22\% = 253.000 \text{ đ/tháng}$;

Chọn mức thu nhập khác ($m = 1$)

$1.150.000 + 50.000 = 1.200.000 \text{ đ} \times 22\% = 264.000 \text{ đ/tháng}$

Chọn mức thu nhập cao nhất (20 lần lương cơ sở, $m = n$)

$1.150.000 \times 20 \text{ lần} = 23.000.000 \text{ đ}$

$23.000.000 \text{ đ} \times 22\% = 5.060.000 \text{ đ/tháng}$

III. PHƯƠNG THỨC ĐÓNG

1. Người tham gia đóng hằng tháng, quý hoặc 06 tháng một lần trên cơ sở đăng ký với cơ quan BHXH. Thời điểm đóng là: trong vòng 15 ngày đầu tháng đối với phương thức đóng hằng tháng, trong vòng 45 ngày đầu quý đối với phương thức đóng hằng quý, trong vòng 03 tháng đầu đối với phương thức đóng 06 tháng một lần.

2. Người tham gia đóng thông qua đại lý thu.

3. Trường hợp đã đóng đủ tiền theo phương thức đóng hằng quý hoặc 6 tháng một lần, mà trong thời gian đó Chính phủ điều chỉnh mức lương tối thiểu chung thì không phải đóng bù chênh lệch số tiền đã đóng theo mức lương tối thiểu chung đã được điều chỉnh.

4. Trường hợp đã quá thời hạn đóng theo quy định tại Khoản 1 Điều này mà người tham gia BHXH tự nguyện không đóng và không có yêu cầu nhận BHXH một lần thì được xem là tạm dừng đóng. Khi tiếp tục đóng BHXH phải đăng ký lại. Thủ tục đăng ký lại thực hiện như đăng ký tham gia lần đầu và thực hiện vào tháng đầu quý.

IV. CHẾ ĐỘ HƯỞNG

Hưu trí

- Điều kiện hưởng lương hưu

1. Người lao động hưởng lương hưu khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Nam đủ sáu mươi tuổi, nữ đủ năm mươi lăm tuổi;

b) Đủ hai mươi năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên.

2. Trường hợp nam đủ sáu mươi tuổi, nữ đủ năm mươi lăm tuổi nhưng thời gian đóng bảo hiểm xã hội còn thiếu không quá năm năm so với thời gian quy định thì được đóng tiếp cho đến khi đủ hai mươi năm.

*** Mức lương hưu hằng tháng**

1. Mức lương hưu hằng tháng được tính bằng 45% mức bình quân thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội tương ứng với mười lăm năm đóng bảo hiểm xã hội, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội thì được tính thêm 2% đối với nam và 3% đối với nữ; mức tối đa bằng 75%.

2. Việc điều chỉnh lương hưu được tính trên cơ sở mức tăng của chỉ số giá sinh hoạt và tăng trưởng kinh tế. Mức điều chỉnh do Chính phủ quy định.

*** Trợ cấp một lần khi nghỉ hưu**

1. Người lao động đã đóng bảo hiểm xã hội trên ba mươi năm đối với nam, trên hai mươi lăm năm đối với nữ, khi nghỉ hưu, ngoài lương hưu còn được hưởng trợ cấp một lần.

2. Mức trợ cấp một lần được tính theo số năm đóng bảo hiểm xã hội kể từ năm thứ ba mươi một trở đi đối với nam và năm thứ hai mươi sáu trở đi đối với nữ. Cứ mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội thì được tính bằng *0,5 tháng mức bình quân thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội*.

- Bảo hiểm xã hội một lần đối với người không đủ điều kiện hưởng lương hưu hằng tháng

Người lao động được hưởng bảo hiểm xã hội một lần khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Nam đủ sáu mươi tuổi, nữ đủ năm mươi lăm tuổi mà chưa đủ hai mươi năm đóng bảo hiểm xã hội, trừ trường hợp thời gian đóng bảo hiểm xã hội còn thiếu không quá năm năm so với thời gian quy định thì được đóng tiếp cho đến khi đủ hai mươi năm.

2. Không tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội và có yêu cầu nhận bảo hiểm xã hội một lần mà chưa đủ hai mươi năm đóng bảo hiểm xã hội;

3. Ra nước ngoài để định cư.

*** Mức hưởng bảo hiểm xã hội một lần**

Mức hưởng bảo hiểm xã hội một lần được tính theo số năm đã đóng bảo hiểm xã hội, cứ mỗi năm tính bằng *1,5 tháng mức bình quân thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội*.

*** Bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội**

Người lao động dừng đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện mà chưa đủ điều kiện để hưởng lương hưu theo hoặc chưa nhận bảo hiểm xã hội một lần thì được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội.

*** Mức bình quân thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội**

1. Mức bình quân thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội được tính bằng *bình quân các mức thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội của toàn bộ thời gian.*

2. Thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội để làm căn cứ tính mức bình quân thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội của người lao động được điều chỉnh trên cơ sở chỉ số giá sinh hoạt của từng thời kỳ theo quy định của Chính phủ.

Tử tuất

*** Trợ cấp mai táng**

1. Các đối tượng sau đây khi chết thì người lo mai táng được nhận trợ cấp mai táng:

- a) Người lao động đã có ít nhất năm năm đóng bảo hiểm xã hội;
- b) Người đang hưởng lương hưu.

2. Trợ cấp mai táng bằng mười tháng lương tối thiểu chung.

3. Trường hợp đối tượng quy định trên bị Tòa án tuyên bố là đã chết thì thân nhân được hưởng trợ cấp mai táng.

*** Trợ cấp tuất**

1. Người lao động đang đóng bảo hiểm xã hội, người lao động đang bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội, người đang hưởng lương hưu khi chết thì thân nhân được hưởng trợ cấp tuất một lần.

2. Mức trợ cấp tuất một lần đối với thân nhân của người lao động đang đóng hoặc người lao động đang bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội được tính theo số năm đã đóng bảo hiểm xã hội, cứ mỗi năm tính bằng 1,5 tháng mức bình quân thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội.

3. Mức trợ cấp tuất một lần đối với thân nhân của người đang hưởng lương hưu chết được tính theo thời gian đã hưởng lương hưu, nếu chết trong hai tháng đầu hưởng lương hưu thì tính bằng bốn mươi tám tháng lương hưu đang hưởng; nếu chết vào những tháng sau đó, cứ hưởng thêm một tháng lương hưu thì mức trợ cấp giảm đi 0,5 tháng lương hưu.

*** Tính hưởng chế độ hưu trí và chế độ tử tuất đối với người có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc sau đó đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện**

1. Người lao động đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc sau đó đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện thì thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được cộng với thời gian đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện để làm cơ sở tính hưởng chế độ hưu trí và chế độ tử tuất.

2. Cách tính mức bình quân tiền lương, tiền công tháng hoặc mức bình quân thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội đối với người lao động nêu trên do Chính phủ quy định (điều chỉnh trượt giá).

Những điểm mới cơ bản của Luật BHXH về BHXH tự nguyện

- *Bỏ quy định giới hạn trần tuổi tham gia BHXH tự nguyện; đồng thời, để khuyến khích người dân tham gia BHXH tự nguyện, Luật đã bỏ quy định mức sàn thu nhập đóng BHXH tự nguyện thấp nhất bằng mức lương tối thiểu chung để phù hợp với khả năng tham gia của người dân và quy định nhà nước hỗ trợ người tham gia BHXH tự nguyện.*

- *Sửa đổi quy định cho phép người lao động đủ điều kiện về tuổi đời để hưởng lương hưu nhưng chưa đủ điều kiện về thời gian đóng BHXH được đóng cho đến khi đủ điều kiện để hưởng lương hưu (không khống chế trần tham gia BHXH tự nguyện như hiện hành).*

- *Công thức tính lương hưu; thời điểm hưởng lương hưu; BHXH một lần; chế độ tử tuất... Sửa đổi tương đồng với chế độ BHXH bắt buộc.*

B. THAM GIA BHYT HỘ GIA ĐÌNH (tự đóng 100%)

1. ĐỐI TƯỢNG

- a) Người thuộc hộ gia đình;
- b) Xã viên hợp tác xã không hưởng tiền lương, tiền công;
- c) Hộ kinh doanh cá thể, người lao động tự tạo việc làm;
- d) Người tự đóng 100% mức đóng BHYT khác

2. MỨC ĐÓNG

2.1. Mức đóng hằng tháng bằng 4,5% mức lương tối thiểu chung (mức lương cơ sở) do đối tượng đóng.

2.2. Kể từ ngày 01/01/2015: Thông tư số 41/2014/TTLT quy định nhóm tham gia BHYT theo hộ gia đình bao gồm: Toàn bộ người có tên trong sổ hộ khẩu tham gia BHYT và người ***đăng ký tạm trú*** (trừ những người đã có thẻ BHYT thuộc các nhóm đối tượng khác và người ***đăng ký tạm vắng***).

2.3. Công văn số 777/BHXH-BT ngày 12/3/2015 của BHXH Việt Nam quy định: Người đã tham gia BHYT tự đóng 100%, nếu sau ngày 01/01/2015 tiếp tục tham gia BHYT thì thực hiện cho cá nhân người đó hoặc theo hộ gia đình; những người còn lại trong gia đình chưa tham gia BHYT, khi tham gia BHYT thì bắt buộc thực hiện theo hộ gia đình. Từ 01/01/2016 trở đi, toàn bộ những người có tên trong sổ hộ khẩu hoặc tạm trú phải thực hiện BHYT theo hộ gia đình.

2.4. Phương pháp xác định giảm mức đóng BHYT của các thành viên trong hộ gia đình như sau:

- Người thứ nhất đóng bằng 4,5% mức lương cơ sở;
- Người thứ hai, thứ ba, thứ tư đóng lần lượt bằng 70%, 60%, 50% mức đóng của người thứ nhất;
- Từ người thứ năm trở đi đóng bằng 40% mức đóng của người thứ nhất.

Ví dụ về mức đóng

Gia đình có 7 người, đã tham gia BHYT theo nhóm đối tượng khác 2 người, còn lại 5 người tham gia BHYT theo hộ gia đình. Mức đóng như sau:

- Người thứ nhất đóng bằng 4,5% mức lương cơ sở:

$$1.150.000 \text{ đ} \times 4,5\% \times 12 \text{ tháng} = 621.000 \text{ đ/năm}$$

- Người thứ hai đóng 70% người thứ nhất

$$621.000 \text{ đ} \times 70\% = 434.700 \text{ đ/năm}$$

- Người thứ ba đóng 60% người thứ nhất

$$621.000 \text{ đ} \times 60\% = 372.600 \text{ đ}$$

- Người thứ tư đóng 50% người thứ nhất

$$621.000 \text{ đ} \times 50\% = 310.500 \text{ đ}$$

- Người thứ năm đóng 40% người thứ nhất

$$621.000 \text{ đ} \times 40\% = 248.400 \text{ đ}$$

3. PHƯƠNG THỨC ĐÓNG

3.1. Người tham gia BHYT đóng BHYT 3 tháng, 6 tháng hoặc 12 tháng một lần cho đại lý hoặc cho cơ quan BHXH.

3.2 Giá trị sử dụng thẻ BHYT

+ Thẻ cấp mới: có giá trị sử dụng sau 30 ngày kể từ ngày đóng tiền cho nhân viên đại lý thu;

+ Thẻ gia hạn: nếu đóng tiền trước khi thẻ BHYT hết hạn sử dụng thẻ BHYT có giá trị sử dụng nối tiếp với ngày hết hạn sử dụng của thẻ lần trước; tham gia không liên tục dưới 3 tháng, thẻ BHYT có giá trị sử dụng kể từ ngày đóng tiền cho nhân viên đại lý thu; tham gia không liên tục từ 3 tháng trở lên trong năm tài chính thì thẻ BHYT có giá trị sử dụng sau 30 ngày kể từ ngày đóng tiền cho nhân viên đại lý thu.

3.3 Trường hợp đã đóng đủ tiền theo phương thức đóng, mà trong thời gian đó Chính phủ điều chỉnh mức lương cơ sở thì không phải đóng bù chênh lệch số tiền đã đóng theo mức lương cơ sở đã được điều chỉnh.

QUY TRÌNH THU CẤP SỔ BHXH, THẺ BHYT

1. NGƯỜI THAM GIA

1.1 Người tham gia BHXH tự nguyện

a) Đăng ký lần đầu hoặc đăng ký lại sau thời gian dừng đóng:

Lập và kê khai đầy đủ Tờ khai tham gia BHXH tự nguyện (mẫu TK1-TS), kèm theo sổ BHXH đối với người đã tham gia BHXH trước đó gửi Điểm thu.

b) Nộp tiền cho nhân viên bưu điện tại Điểm thu theo phương thức đã đăng ký.

1.2 Người tham gia BHYT theo hộ gia đình

a) Căn cứ Mẫu D01-HGD (Thống kê thành viên HGD tham gia BHYT theo Công văn 777/BHXH-BT) Lập 01 Tờ khai tham gia BHYT (Mẫu TK1-TS); Không phải kèm theo Sổ hộ khẩu hoặc giấy đăng ký tạm trú, giấy kết hôn... đối với trường hợp tham gia theo hộ gia đình để được giảm mức đóng BHYT.

b) Nộp tiền cho nhân viên bưu điện, đại lý xã, phường tại Điểm thu theo phương thức đã đăng ký hoặc cơ quan BHXH.

2. NHÂN VIÊN BƯU ĐIỆN TẠI ĐIỂM THU (ĐẠI LÝ XÃ, PHƯỜNG, CƠ QUAN BHXH...)

2.1. Tiếp nhận hồ sơ, tờ khai của người tham gia, kiểm tra, đối chiếu và hướng dẫn người tham gia kê khai tờ khai tham gia BHXH tự nguyện và BHYT (Mẫu TK1-TS);

2.2. Lập danh sách người tham gia BHXH tự nguyện (mẫu D05-TS), người chỉ tham gia BHYT (mẫu D03-TS đã bỏ một số chỉ tiêu), tính số tiền phải nộp theo phương thức đã đăng ký, thu tiền, cấp biên lai thu tiền cho người tham gia theo mẫu quy định.

2.3. Nộp hồ sơ, số tiền đã thu cho Bưu điện huyện hoặc cho cơ quan BHXH nếu là đại lý xã, phường.

2.4. Nhận sổ BHXH, thẻ BHYT từ Bưu điện huyện (cơ quan BHXH) trả cho người tham gia.

2.5. Mở sổ theo dõi người tham gia theo từng đối tượng; sổ giao nhận sổ BHXH, thẻ BHYT và các thông tin về đối tượng tham gia BHXH tự nguyện, BHYT.

2.6. Nhận danh sách đối tượng tham gia BHXH tự nguyện, BHYT đến hạn phải đóng (mẫu D08a-TS) gửi đến người tham gia để tuyên truyền, vận động người tham gia tiếp tục tham gia BHYT và đôn đốc người tham gia BHXH tự nguyện đóng tiền theo phương thức đăng ký.

2.7. Hằng tháng, đối chiếu biên lai thu tiền và số tiền đã thu với Bưu điện huyện (mẫu C17-TS), cơ quan BHXH.

3. BƯU ĐIỆN HUYỆN

3.1. Nhận, tổng hợp hồ sơ, số tiền đã thu từ các nhân viên bưu điện (Điểm thu) nộp cho BHXH huyện trong thời hạn 03 ngày làm việc tính từ ngày nhân viên bưu điện tại Điểm thu thu tiền của người tham gia. Phương thức nộp có thể bằng tiền mặt trực tiếp tại BHXH huyện hoặc nộp vào tài khoản chuyên thu của BHXH huyện tại ngân hàng hoặc kho bạc nhà nước.

3.2. Nhận sổ BHXH, thẻ BHYT từ BHXH huyện chuyển cho các nhân viên bưu điện tại Điểm thu để trả người tham gia trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận tại cơ quan BHXH.

3.3. Nhận danh sách đối tượng tham gia BHXH tự nguyện, BHYT đến hạn phải đóng (mẫu D08a-TS) từ BHXH huyện chuyển cho nhân viên Điểm thu

để gửi đến người tham gia đơn đốc đóng tiền trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận tại BHXH huyện.

3.4. Hằng tháng, căn cứ bảng đối chiếu biên lai thu tiền (mẫu C17-TS) của các Điểm thu, lập bảng kê thu BHXH tự nguyện, BHYT qua Bru điện, đối chiếu, xác nhận với BHXH huyện, gửi Bru điện tỉnh để làm căn cứ thanh toán phí dịch vụ.

4. BHXH HUYỆN

4.1. Nhận, kiểm tra hồ sơ của người tham gia từ Bru điện huyện, nhân viên đại lý xã, phường...; hướng dẫn Bru điện, nhân viên đại lý xã, phường... nộp tiền tại ngân hàng, kho bạc hoặc nộp trực tiếp tại cơ quan BHXH và thực hiện ghi giấy hẹn.

4.2. Thực hiện quy trình thu, cấp sổ BHXH, thẻ BHYT theo quy định tại Quyết định số 1111/QĐ-BHXH.

4.3. Trả sổ BHXH trong thời hạn 07 ngày; trả thẻ BHYT trong thời hạn 04 ngày cho Bru điện huyện, nhân viên đại lý xã, phường... kể từ ngày nhận đủ tiền và hồ sơ hợp lệ.

4.4. Trước ngày 15 hằng tháng, cung cấp danh sách đối tượng tham gia BHXH tự nguyện, BHYT đến hạn phải đóng (mẫu D08a-TS) cho Bru điện, nhân viên đại lý xã, phường... để tuyên truyền, vận động và đơn đốc người tham gia đóng tiền.

4.5. Hằng tháng, căn cứ bảng đối chiếu biên lai thu tiền (mẫu C17-TS), đối chiếu, xác nhận bảng kê thu BHXH tự nguyện, BHYT qua Bru điện, gửi Bảo hiểm xã hội tỉnh để làm căn cứ thanh toán phí dịch vụ; thanh toán hoa hồng cho đại lý thu theo quy định.